

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ  
- Mã chứng khoán: PBT  
- Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.  
- Điện thoại liên hệ: 0255. 3612468 Fax: 0255. 3612469  
- E-mail: vanthu@pvbuilding.com.vn

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 20/4/2023, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (Công ty) ban hành Công văn số: 04/PVBLD-HĐQT gửi Giám đốc Công ty về việc chấp thuận ký kết hợp đồng giữa Công ty với người có liên quan.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/4/2023 tại đường dẫn:

[www.pvbuilding.com.vn/QUAN HỆ CỔ ĐÔNG/Công bố thông tin khác](http://www.pvbuilding.com.vn/QUAN HỆ CỔ ĐÔNG/Công bố thông tin khác).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Giám đốc (b/c);
- Lưu: VT, TCHC.

**Đại diện tổ chức  
Người ủy quyền công bố thông tin**



**Lê Xuân Huy**

### **\* Tài liệu đính kèm:**

- Công văn số 04/PVBLD-HĐQT ngày 20/4/2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Số: 04 /PVBLD-HĐQT

V/v chấp thuận ký kết Hợp đồng  
giữa Công ty với người có liên quan

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Giám đốc Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.

Sau khi xem xét nội dung Tờ trình số 13/TTr-PVBLD ngày 18/4/2023 của Giám đốc Công ty về việc báo cáo và xin chủ trương ký kết Hợp đồng “Thuê xe và Lái xe phục vụ QLĐH”, “Thuê xe và Lái xe phục vụ SXKD” giữa Công ty với người có liên quan, Hội đồng quản trị có ý kiến như sau:

- Chấp thuận việc ký kết gia hạn các Hợp đồng số 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 07/12/2020 và Hợp đồng số 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 16/12/2020 với Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn như đề xuất của Giám đốc tại Tờ trình số 13/TTr-PVBLD ngày 18/4/2023;

- Yêu cầu Giám đốc triển khai thực hiện các công việc tiếp theo tuân thủ đúng quy định hiện hành, đảm bảo hiệu quả cho Công ty.

Hội đồng quản trị thông báo để Giám đốc biết và triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Các PGĐ, Người PTQT Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty. *mk*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Tuấn Anh**



**TỜ TRÌNH**

**Về việc báo cáo và xin chủ trương ký kết Hợp đồng “Thuê xe và Lái xe phục vụ QLĐH” và “Thuê xe và Lái xe phục vụ SXKD” giữa Công ty với người có liên quan**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-PVBLD ngày 17/01/2023 của Hội đồng quản trị về việc tạm thời chấp thuận Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Căn cứ Quyết định 2538/QĐ-BSR ngày 31/3/2023 của Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn về việc huỷ gói thầu “Thuê xe và Lái xe phục vụ QLĐH từ 01/4/2023 đến 31/3/2027 theo Đơn hàng số 262/1100000662/ĐH-VP ngày 20/9/2022”;

Căn cứ Quyết định 2539/QĐ-BSR ngày 31/3/2023 của Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn về việc huỷ gói thầu “Thuê xe và Lái xe phục vụ SXKD từ 01/4/2023 đến 31/3/2027 theo Đơn hàng số 257/1100000621/ĐH-VP ngày 20/9/2022”; đồng thời, BSR đang có chủ trương gia hạn các Hợp đồng số 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 07/12/2020 và Hợp đồng số 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 16/12/2020 đã ký giữa Công ty và BSR từ ngày 01/01/2023 đến 30/9/2023.

Giám đốc kính báo cáo và xin chủ trương Hội đồng quản trị Công ty một số nội dung sau:

1. Thu hồi Tờ trình số 08/TTr-PVBLD ngày 16/3/2023 của Giám đốc Công ty về việc báo cáo và xin chủ trương ký kết Hợp đồng “Thuê xe và Lái xe phục vụ QLĐH từ 01/4/2023 đến 31/3/2027 theo Đơn hàng số 262/1100000662/ĐH-VP ngày 20/9/2022” và “Thuê xe và Lái xe phục vụ SXKD từ 01/4/2023 đến 31/3/2027 theo Đơn hàng số 257/1100000621/ĐH-VP ngày 20/9/2022”.

2. Chấp thuận việc ký kết gia hạn các Hợp đồng số 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 07/12/2020 và Hợp đồng số 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 16/12/2020 với BSR (Cổ đông đang sở hữu trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty) với tổng giá trị dự kiến các giao dịch tối đa 27 tỷ đồng.

Giám đốc kính báo cáo và xin chủ trương Hội đồng quản trị Công ty về nội dung này để có cơ sở thực hiện đúng quy định của pháp luật về ký kết Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BKS;
- Các PGĐ (để biết);
- Lưu: VT, KD.



**GIÁM ĐỐC**

*Trần Xuân Thu*



Hai bên thống nhất ký Phụ lục điều chỉnh số 06 của Hợp đồng số 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 07/12/2020 về việc gia hạn Hợp đồng với các nội dung như sau:

#### **ĐIỀU 1. PHẠM VI CÔNG VIỆC**

Chi tiết như Phụ lục 01, 02 đính kèm.

#### **ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ VÀ HÌNH THỨC PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH SỐ 06**

- Giá trị Phụ lục điều chỉnh số 06 của Hợp đồng số 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD: **13.671.331.512 VNĐ** (*Bằng chữ: Mười ba tỷ sáu trăm bảy mươi một triệu ba trăm ba mươi một nghìn năm trăm mười hai đồng*). Giá trên đã bao gồm toàn bộ các loại chi phí, thuế để nhà thầu thực hiện hợp đồng. Chi tiết như các phụ lục đính kèm.

- Hình thức Phụ lục điều chỉnh số 06 của Hợp đồng số 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD: Theo đơn giá.

#### **ĐIỀU 3. THỜI GIAN THỰC HIỆN**

Kể từ ngày ký Phụ lục điều chỉnh đến 30/9/2023.

#### **ĐIỀU 4. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 4.1 Phụ lục điều chỉnh số 06 này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 4.2 Các nội dung khác và điều khoản của Hợp đồng số 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 07/12/2020 không được sửa đổi theo Phụ lục điều chỉnh số 06 này giữ nguyên hiệu lực.
- 4.3 Phụ lục điều chỉnh số 06 này là một phần không thể tách rời Hợp đồng 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 07/12/2020 và được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, các bản đều có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**PHỤ LỤC – PHẠM VI CÔNG VIỆC**

(Kèm theo Phụ lục điều chỉnh số 06 hợp đồng số 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD)

<b>DỮ LIỆU HÀNG HOÁ DỊCH VỤ YÊU CẦU</b>				<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng yêu cầu</b>	<b>Đơn giá (đồng)</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>
<b>TT</b>	<b>Mã HHDV</b>	<b>Tên HHDV</b>	<b>Mô tả</b>				
1	B050209	Thuê xe phục vụ QLĐH	Chi tiết theo phục lục 01 đính kèm	THÁNG	9	1.069.477.443	9.625.296.987
2	B050210	Thuê nhân sự lái xe phục vụ QLĐH	Chi tiết theo phục lục 02 đính kèm	THÁNG	9	210.274.040	1.892.466.360
3	B050208	Chi phí bù thay đổi giá nhiên liệu (Thanh toán theo thực tế phát sinh)	<p>Phạm vi công việc:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chi phí điều chỉnh thay đổi giá nhiên liệu trong tháng so với giá nhiên liệu được quy định trong hợp đồng;</li><li>- Cách tính : (km cuối kỳ- km đầu kỳ)*định mức nhiên liệu trên xe (lít/100km)* chênh lệch giá (so với giá trên hợp đồng); (đầu kỳ- cuối kỳ: là kỳ điều chỉnh giá nhiên liệu)</li><li>- Nếu giá nhiên liệu giảm thì mục này sẽ là -, nếu giá nhiên liệu tăng là + (tăng giảm so với giá hợp đồng);</li><li>- Là tổng chi phí điều chỉnh thay đổi giá nhiên liệu của tất cả các xe ô tô được sử dụng trong tháng.</li></ul>	THÁNG	9	101.191.094	910.719.846
<b>Tổng:</b>							<b>12.428.483.193</b>
<b>Thuế VAT 10%:</b>							<b>1.242.848.319</b>
<b>Thành tiền (VNĐ):</b>							<b>13.671.331.512</b>

**Ghi chú: Đơn giá nhiên liệu theo HĐ 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD ký ngày 07/12/2020 và các PL liên quan là giá xăng E5 12.400 đồng/lít; Dầu DO 10.740 đồng/lít**

**PHỤ LỤC 01: CHI TIẾT THUÊ XE PHỤC VỤ QLĐH**  
(Kèm theo Phụ lục điều chỉnh số 06 hợp đồng số 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD)

TT	Loại xe	Mô tả	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Định mức nhiên liệu/100km
1	Xe Lancruiser VX	Xe ô tô loại 08 chỗ ngồi + Km/tháng/xe :5.500 +Toyota Landcruiser VX + Sản xuất 2014 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất, màu sơn đen	Xe/tháng	2	69.500.000	139.000.000	24 lít xăng E5
2	Xe Fortuner New	Xe ô tô loại 07 chỗ ngồi + Km/tháng/xe :4.000 +Toyota Fortuner máy xăng, 2.7AT + Sản xuất 2019 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất, màu sơn đen	Xe/tháng	13	42.229.263	548.980.419	17 lít xăng E5
3	Xe Fortuner	Xe ô tô loại 07 chỗ ngồi + Km/tháng/xe :4.000 +Toyota Fortuner máy xăng, 2.7AT + Sản xuất 2016 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất, màu sơn đen	Xe/tháng	2	37.805.776	75.611.552	17 lít xăng E5
4	Xe Vinfast Lux SA 2.0	Xe ô tô loại 07 chỗ ngồi + Km/tháng/xe: 4.000 +Lux SA 2.0 + Sản xuất 2019 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất	Xe/tháng	1	62.244.472	62.244.472	20 lít xăng E5
5	Km dự phòng xe Lancruiser VX	Xe ô tô loại 08 chỗ ngồi + Km/tháng/xe: 1000 +Toyota Landcruiser VX + Sản xuất 2014 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất, màu sơn đen	Xe/tháng	2	8.273	16.546.000	

TT	Loại xe	Mô tả	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Định mức nhiên liệu/100km
6	Km dự phòng xe Fortuner New	Xe ô tô loại 07 chỗ ngồi + Km/tháng/xe : 1.500 +Toyota Fortuner máy xăng, 2.7AT + Sản xuất 2019 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất, màu sơn đen	Xe/tháng	13	6.182	120.549.000	
7	Km dự phòng xe Fortuner	Xe ô tô loại 07 chỗ ngồi + Km/tháng/xe :1.500 +Toyota Fortuner máy xăng, 2.7AT + Sản xuất 2016 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất	Xe/tháng	2	6.182	18.546.000	
8	Km dự phòng xe Vinfast Lux SA 2.0	Xe ô tô loại 07 chỗ ngồi + Km/tháng/xe: 1.000 +Lux SA 2.0 + Sản xuất 2019 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất	Xe/tháng	1	8.000	8.000.000	
9	Vé cầu đường/sân bay/bến bãi	+Tính theo thực tế giá trên vé + Mức : 200.000 đồng/ lượt	Lượt/tháng	400	200.000	80.000.000	
<b>Cộng/tháng</b>			<b>1.069.477.443</b>				



**PHỤ LỤC 02: CHI TIẾT THUÊ NHÂN SỰ LÁI XE PHỤC VỤ QLĐH**  
(Kèm theo Phụ lục điều chỉnh số 06 hợp đồng số 808-2020/HĐ/BSR-PVBLD)

TT	Tên HHDV	Mô tả	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Nhân viên Lái xe mức 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>+Lái xe ô tô con;</li> <li>+Bằng lái tối thiểu hạng D;</li> <li>+Thời gian giữ hạng giấy phép lái xe tối thiểu 02 năm;</li> <li>+Có thời gian lái xe liên tục ít nhất 03 năm;</li> <li>+ Giấy phép Lái xe còn hạn;</li> <li>+Đã từng làm việc cho các doanh nghiệp vận tải, giao nhận;</li> <li>+ Phải đảm bảo sức khỏe Theo Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT;</li> <li>+Thời hạn hồ sơ sức khỏe không quá 06 tháng;</li> <li>+Phải có chứng nhận tập huấn nghiệp vụ còn thời hạn;</li> <li>+Phải tốt nghiệp THCS, THPT hoặc trung cấp nghề;</li> <li>+Có chứng nhận tham gia các khóa đào tạo về kỹ năng sau: PCCC, Sơ cấp cứu;</li> <li>+Được đào tạo: Văn hóa Lái xe, Lái xe phòng vệ, các lớp huấn luyện nghiệp vụ theo quy định; (có giấy tờ xác nhận)</li> <li>+Không có tiền án, tiền sự (có xác nhận của địa phương);</li> <li>+Không thuộc diện cảnh báo của Hiệp hội vận tải (cam kết từ nhà thầu);</li> <li>+Không bị kỷ luật trong thời gian làm việc tại các công ty khác (cam kết từ nhà thầu);</li> <li>+Có nhân thân rõ ràng, các giấy tờ xác minh còn hiệu lực.</li> <li>*Người lao động phải được đảm bảo chế độ:</li> <li>+Lương bổ sung (bình quân: 04 đợt Lễ&amp;Tết/năm, mỗi đợt nửa tháng lương)</li> <li>+Tháng lương 13/năm</li> <li>+BHXH(17,5%); BHYT(3%); BHTN(1%) &amp; KPCĐ(2%) (tính bằng: 23,5% * L)</li> <li>+Bảo hộ lao động:01 bộ/năm</li> <li>+Áo sơ mi: 04 cái/năm</li> <li>+Bảo hiểm con người: 01lần/năm</li> </ul>	Người/tháng	10	10.310.000	103.100.000

TT	Tên HHDV	Mô tả	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		+Khám sức khỏe định kỳ: theo quy định của pháp luật +Khám bệnh nghề nghiệp: theo quy định của pháp luật				
2	Phụ cấp tiền ăn cho Lái xe	+Chi theo thực tế +26 ngày/tháng/người + Cách tính: tiền ăn tháng/26* số ngày đi làm	Người/tháng	10	680.000	6.800.000
3	Phụ cấp độc hại mức 1	+Chi theo thực tế số ngày làm việc tại khu vực quy định +Lái xe ở khu vực P7 + Mức 10.000 đồng/ngày	Người/tháng	10	220.000	2.200.000
4	Phụ cấp ngoài giờ ngày thường 1	+Chi theo thực tế + Mức : 150% giờ làm việc +Các Lái xe đang hưởng lương mức 1	Giờ/tháng	70	54.086	3.786.020
5	Ngoài giờ ngày nghỉ hàng tuần 1	+Chi theo thực tế + Mức : 200% giờ làm việc +Các Lái xe đang hưởng lương mức 1	Giờ/tháng	70	72.115	5.048.050
6	Ngoài giờ ngày nghỉ lễ, tết,.... 1	+Chi theo thực tế + Mức : 300% giờ làm việc +Các Lái xe đang hưởng lương mức 1	Giờ/tháng	40	108.173	4.326.920
7	Công tác phí	+Chi theo thực tế + Mức : 200.000 đồng/ chuyến ngoại tỉnh +Tối đa 1 chuyến/ngày	Chuyến/tháng	250	200.000	50.000.000
8	Phòng nghỉ qua đêm	+Chi theo thực tế + Mức : 500.000 đồng/ đêm có hóa đơn, không có hóa đơn tính 70% +Thời gian để áp dụng là sau 22h ngày đi công tác ngoại tỉnh	Đêm/tháng	50	500.000	25.000.000
9	Chi phí quản lý	+Chi phí quản lý nhân sự +Chi phí được tính theo tỉ lệ 5% giá trị thuê nhân sự hàng tháng	Tháng	1	10.013.050	10.013.050
<b>Cộng/tháng</b>					<b>210.274.040</b>	



Hai bên thống nhất ký Phụ lục điều chỉnh số 06 của Hợp đồng số 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 16/12/2020 về việc gia hạn Hợp đồng với các nội dung như sau:

#### **ĐIỀU 1. PHẠM VI CÔNG VIỆC**

Chi tiết như Phụ lục 01, 02 đính kèm.

#### **ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ VÀ HÌNH THỨC PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH SỐ 06**

- Giá trị Phụ lục điều chỉnh số 06 của Hợp đồng số 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD: **13.012.763.712 VNĐ** (Bằng chữ: Mười ba tỷ không trăm mười hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm mười hai đồng). Giá trên đã bao gồm toàn bộ các loại chi phí, thuế để nhà thầu thực hiện hợp đồng. Chi tiết như các phụ lục đính kèm.

- Hình thức Phụ lục điều chỉnh số 06 của Hợp đồng số 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD: Theo đơn giá.

#### **ĐIỀU 3. THỜI GIAN THỰC HIỆN**

Kể từ ngày ký Phụ lục điều chỉnh đến 30/9/2023.

#### **ĐIỀU 4. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

- 4.1 Phụ lục điều chỉnh số 06 này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 4.2 Các nội dung khác và điều khoản của Hợp đồng số 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 16/12/2020 không được sửa đổi theo Phụ lục điều chỉnh số 06 này giữ nguyên hiệu lực.
- 4.3 Phụ lục điều chỉnh số 06 này là một phần không thể tách rời Hợp đồng 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD ngày 16/12/2020 và được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, các bản đều có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**PHỤ LỤC – PHẠM VI CÔNG VIỆC**

(Kèm theo Phụ lục điều chỉnh số 06 hợp đồng số 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD)

<b>DỮ LIỆU HÀNG HOÁ DỊCH VỤ YÊU CẦU</b>				<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng yêu cầu</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>TT</b>	<b>Mã HHDV</b>	<b>Tên HHDV</b>	<b>Mô tả</b>				
1	B050207	Thuê xe phục vụ SXKD	Chi tiết theo phục lục 01 đính kèm	THÁNG	9	944.712.408	8.502.411.672
2	B050206	Thuê nhân sự lái xe phục vụ SXKD	Chi tiết theo phục lục 02 đính kèm	THÁNG	9	350.123.766	3.151.113.894
3	B050208	Chi phí bù thay đổi giá nhiên liệu (Thanh toán theo thực tế phát sinh)	<p>Phạm vi công việc:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chi phí điều chỉnh thay đổi giá nhiên liệu trong tháng so với giá nhiên liệu được quy định trong hợp đồng ;</li><li>- Cách tính : (km cuối kỳ- km đầu kỳ)*định mức nhiên liệu trên xe (lít/100km)* chênh lệch giá (so với giá trên hợp đồng); (đầu ky- cuối kỳ: là kỳ điều chỉnh giá nhiên liệu)</li><li>- Nếu giá nhiên liệu giảm thì mục này sẽ là -, nếu giá nhiên liệu tăng là + (tăng giảm so với giá hợp đồng);</li><li>- Là tổng chi phí điều chỉnh thay đổi giá nhiên liệu của tất cả các xe ô tô được sử dụng trong tháng.</li></ul>	THÁNG	9	19.584.403	176.259.627
<b>Tổng:</b>							<b>11.829.785.193</b>
<b>Thuế VAT 10%:</b>							<b>1.182.978.519</b>
<b>Thành tiền (VNĐ):</b>							<b>13.012.763.712</b>

**Ghi chú: Đơn giá nhiên liệu theo 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD ký ngày 16/12/2020 và các PL liên quan là giá xăng E5 12.400 đồng/lít; Dầu DO 10.740 đồng/lít**

**PHỤ LỤC 01: CHI TIẾT THUÊ XE PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
(Kèm theo Phụ lục điều chỉnh số 06 hợp đồng số 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD)

<b>TT</b>	<b>Tên HHDV</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Số lượng</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Đơn giá (VNĐ)</b>	<b>Thành tiền (VNĐ)</b>	<b>Định mức nhiên liệu/100km</b>
1	Xe 16 chỗ ngồi	Xe ô tô loại 16 chỗ ngồi + Km/tháng/xe: 5.000 +Toyota/Mercedes/Hyun Dai + Sản xuất 2011 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất + Bao gồm chi phí bến bãi đậu đỗ, wifi theo xe	2	XE/THÁNG	29.299.068	58.598.136	10,5 lít dầu DO
2	Xe 29 chỗ ngồi	Xe ô tô khách loại 29 chỗ ngồi +Hiệu xe Hyundai County/Toyota + Sản xuất 2013 trở về sau + Km/tháng/xe: 3.000 + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất + Bao gồm chi phí bến bãi đậu đỗ, wifi theo xe	4	XE/THÁNG	42.640.828	170.563.312	18 lít dầu DO
3	Xe ô tô khách 47 chỗ	Xe ô tô khách loại 47 chỗ ngồi +Km/tháng/xe :1.760 +Hiệu xe: Thaco Weichai 12.375N, Commonrail System-Euro III + Sản xuất 2014 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất + Bao gồm lái xe theo xe + Bao gồm wifi theo xe	8	XE/THÁNG	78.850.000	630.800.000	34 lít dầu DO
4	Km dự phòng xe 16 chỗ ngồi	Xe ô tô loại 16 chỗ ngồi + Km/tháng/xe: 1000 +Toyota/Mercedes/Hyun Dai + Sản xuất 2011 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất	2	XE/THÁNG	4.636	9.272.000	



<b>TT</b>	<b>Tên HHDV</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Số lượng</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Đơn giá (VNĐ)</b>	<b>Thành tiền (VNĐ)</b>	<b>Định mức nhiên liệu/100km</b>
5	Km dự phòng xe 29 chỗ ngồi	Xe ô tô khách loại 29 chỗ ngồi- +Hiệu xe Hyundai County/Toyota + Sản xuất 2013 trở về sau + Km /tháng/xe: 700 + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất	4	XE/THÁNG	6.545	18.326.000	
6	Km dự phòng ô tô khách 47 ghế	Xe ô tô khách loại 47 chỗ ngồi + Km/tháng/xe : 120 +Hiệu xe: Thaco Weichai 12.375N, Commonrail System-Euro III + Sản xuất 2014 trở về sau + Xe được duy trì tốt về nội và ngoại thất	8	XE/THÁNG	51.201	49.152.960	
7	Vé cầu đường/sân bay/bến bãi	+Tính theo thực tế giá trên vé + Mức : 200.000 đồng/ lượt	40	Lượt/tháng	200.000	8.000.000	
		<b>Cộng/tháng</b>	<b>944.712.408</b>				

**PHỤ LỤC 02: CHI TIẾT THUÊ NHÂN SỰ LÁI XE PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
(Kèm theo Phụ lục điều chỉnh số 06 hợp đồng số 835-2020/HĐ/BSR-PVBLD)

DỮ LIỆU HÀNG HOÁ DỊCH VỤ YÊU CẦU			Số lượng	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
TT	Tên HHDV	Mô tả				
1	Nhân viên Lái xe mức 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>+Lái xe ô tô phục vụ Lab, trường ca (30 chỗ ngồi trở xuống),..... phục vụ trong nhà máy; thường xuyên ra vào nhà máy theo yêu cầu công việc</li> <li>+Bằng lái tối thiểu hạng D;</li> <li>+Thời gian giữ hạng giấy phép lái xe tối thiểu 02 năm;</li> <li>+Có thời gian lái xe liên tục ít nhất 03 năm;</li> <li>+ Giấy phép Lái xe còn hạn;</li> <li>+Đã từng làm việc cho các doanh nghiệp vận tải, giao nhận;</li> <li>+ Phải đảm bảo sức khỏe Theo Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT;</li> <li>+Thời hạn hồ sơ sức khỏe không quá 06 tháng;</li> <li>+Phải có chứng nhận tập huấn nghiệp vụ còn thời hạn;</li> <li>+Phải tốt nghiệp THCS, THPT hoặc trung cấp nghề;</li> <li>+Có chứng nhận tham gia các khóa đào tạo về kỹ năng sau: PCCC, Sơ cấp cứu;</li> <li>+Được đào tạo : Văn hóa Lái xe, Lái xe phòng vệ, các lớp huấn luyện nghiệp vụ theo quy định; (có giấy tờ xác nhận)</li> <li>+Không có tiền án, tiền sự (có xác nhận của địa phương);</li> <li>+Không thuộc diện cảnh báo của Hiệp hội vận tải (cam kết từ nhà thầu);</li> <li>+Không bị kỷ luật trong thời gian làm việc tại các công ty khác (cam kết từ nhà thầu);</li> <li>+Có nhân thân rõ ràng, các giấy tờ xác minh còn hiệu lực.</li> <li>*Người lao động phải được đảm bảo chế độ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Lương bổ sung (bình quân: 04 đợt Lễ&amp;Tết/năm, mỗi đợt nửa tháng lương)</li> <li>+Tháng lương 13/năm</li> <li>+BHXH(17,5%); BHYT(3%); BHTN(1%) &amp; KPCĐ(2%) (tính bằng: 23,5% * L)</li> <li>+Bảo hộ lao động:02 bộ/năm</li> <li>+Áo sơ mi: 04 cái/năm</li> <li>+Bảo hiểm con người: 01 lần/năm</li> <li>+Khám sức khỏe định kỳ: theo quy định của pháp luật</li> <li>+Khám bệnh nghề nghiệp: theo quy định của pháp luật</li> </ul> </li> </ul>	11	Người/tháng	10.860.030	119.460.330

DỮ LIỆU HÀNG HOÁ DỊCH VỤ YÊU CẦU			Số lượng	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
TT	Tên HHDV	Mô tả				
2	Nhân viên Lái xe mức 3	<p>Lái xe ô tô chở khách 47 ghế,..... phục vụ đưa đón ca kíp, trong nhà máy</p> <p>+Bằng lái tối thiểu hạng E;</p> <p>+Thời gian giữ hạng giấy phép lái xe tối thiểu 02 năm;</p> <p>+Có thời gian lái xe liên tục ít nhất 03 năm;</p> <p>+ Giấy phép Lái xe còn hạn;</p> <p>+Đã từng làm việc cho các doanh nghiệp vận tải, giao nhận;</p> <p>+ Phải đảm bảo sức khỏe Theo Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT;</p> <p>+Thời hạn hồ sơ sức khỏe không quá 06 tháng;</p> <p>+Phải có chứng nhận tập huấn nghiệp vụ còn thời hạn;</p> <p>+Phải tốt nghiệp THCS, THPT hoặc trung cấp nghề;</p> <p>+Có chứng nhận tham gia các khóa đào tạo về kỹ năng sau: PCCC, Sơ cấp cứu;</p> <p>+Được đào tạo : Văn hóa Lái xe, Lái xe phòng vệ, các lớp huấn luyện nghiệp vụ theo quy định; (có giấy tờ xác nhận)</p> <p>+Không có tiền án, tiền sự (có xác nhận của địa phương);</p> <p>+Không thuộc diện cảnh báo của Hiệp hội vận tải (cam kết từ nhà thầu);</p> <p>+Không bị kỷ luật trong thời gian làm việc tại các công ty khác (cam kết từ nhà thầu);</p> <p>+Có nhân thân rõ ràng, các giấy tờ xác minh còn hiệu lực.</p> <p>*Người lao động phải được đảm bảo chế độ:</p> <p>+Lương bổ sung (bình quân: 04 đợt Lễ&amp;Tết/năm, mỗi đợt 1/2 tháng lương)</p> <p>+Tháng lương 13/năm</p> <p>+BHXH(17,5%); BHYT(3%); BHTN(1%) &amp; KPCĐ(2%) (tính bằng: 23,5% * L)</p> <p>+Bảo hộ lao động:02 bộ/năm</p> <p>+Áo sơ mi: 04 cái/năm</p> <p>+Bảo hiểm con người: 01lần/năm</p> <p>+Khám sức khỏe định kỳ: theo quy định của pháp luật</p> <p>+Khám bệnh nghề nghiệp: theo quy định của pháp luật</p>	12	Người/tháng	11.446.364	137.356.368

DỮ LIỆU HÀNG HOÁ DỊCH VỤ YÊU CẦU			Số lượng	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
TT	Tên HHDV	Mô tả				
3	Nhân viên Lái xe bổ sung	<p>Lái xe ô tô chở khách 47 ghế, phục vụ đưa đón CBNVN trong nhà máy và ngoài nhà máy trong giờ hành chính (8h/ngày)</p> <p>+Bằng lái tối thiểu hạng E;</p> <p>+Thời gian giữ hạng giấy phép lái xe tối thiểu 02 năm;</p> <p>+Có thời gian lái xe liên tục ít nhất 03 năm;</p> <p>+ Giấy phép Lái xe còn hạn;</p> <p>+Đã từng làm việc cho các doanh nghiệp vận tải, giao nhận;</p> <p>+ Phải đảm bảo sức khỏe Theo Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT;</p> <p>+Thời hạn hồ sơ sức khỏe không quá 06 tháng;</p> <p>+Phải có chứng nhận tập huấn nghiệp vụ còn thời hạn;</p> <p>+Phải tốt nghiệp THCS, THPT hoặc trung cấp nghề;</p> <p>+Có chứng nhận tham gia các khóa đào tạo về kỹ năng sau: PCCC, Sơ cấp cứu;</p> <p>+Được đào tạo : Văn hóa Lái xe, Lái xe phòng vệ, các lớp huấn luyện nghiệp vụ theo quy định; (có giấy tờ xác nhận)</p> <p>+Không có tiền án, tiền sự (có xác nhận của địa phương);</p> <p>+Không thuộc diện cảnh báo của Hiệp hội vận tải (cam kết từ nhà thầu);</p> <p>+Không bị kỷ luật trong thời gian làm việc tại các công ty khác (cam kết từ nhà thầu);</p> <p>+Có nhân thân rõ ràng, các giấy tờ xác minh còn hiệu lực.</p> <p>*Người lao động phải được đảm bảo chế độ:</p> <p>+BHXH(17,5%); BHYT(3%); BHTN(1%) &amp; KPCĐ(2%) (tính bằng: 23,5% * L)</p> <p>+Bảo hộ lao động:02 bộ/năm</p> <p>+Áo sơ mi: 04 cái/năm</p> <p>+Bảo hiểm con người: 01lần/năm</p> <p>+Khám sức khỏe định kỳ: theo quy định của pháp luật</p> <p>+Khám bệnh nghề nghiệp: theo quy định của pháp luật</p>	9	Ngày/tháng	307.692	2.769.228

DỮ LIỆU HÀNG HOÁ DỊCH VỤ YÊU CẦU			Số lượng	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
TT	Tên HHDV	Mô tả				
4	Phụ cấp tiền ăn cho Lái xe	+Chi theo thực tế +26 ngày/tháng/người + Cách tính: tiền ăn tháng/26* số ngày đi làm	23	Người/tháng	680.000	15.640.000
5	Phụ cấp độc hại mức 1	+Chi theo thực tế số ngày làm việc tại khu vực quy định +Lái xe ở khu vực P7 + Mức 10.000 đồng/ngày + 22 ngày/tháng/người	5	Người/tháng	220.000	1.100.000
6	Phụ cấp độc hại mức 2	+Chi theo thực tế số ngày làm việc tại khu vực quy định +Lái xe ở khu vực P1, P3, Jetty, trong công A5 + Mức 15.000 đồng/ngày + 16 ngày/ tháng/ người	18	Người/tháng	240.000	4.320.000
7	Phụ cấp làm đêm 1	+Chi theo thực tế +Chi áp dụng cho các lái xe phục vụ ca kíp trong nhà máy + Mức : 30% giờ làm việc +Tính từ 22h hôm trước đến 6h ngày hôm sau + 8h/ ngày và 1 tháng tính trung bình 8 đêm theo ca 12 tiếng +Các Lái xe đang hưởng lương mức 2 + Cách tính: 8h*8 (đêm)*30% lương mức 2* số người	10	Người/tháng	738.462	7.384.620
8	Phụ cấp làm đêm 2	+Chi theo thực tế +Chi áp dụng cho các lái xe phục vụ ca kíp trong nhà máy + Mức : 30% giờ làm việc +Tính từ 22h hôm trước đến 6h ngày hôm sau + 8h/ ngày và 1 tháng tính trung bình 8 đêm theo ca 12 tiếng +Các Lái xe đang hưởng lương mức 3 + Cách tính: 8h*8 (đêm)*30% lương mức 3* số người	10	Người/tháng	784.615	7.846.150
9	Phụ cấp ngoài giờ ngày thường 2	+Chi theo thực tế + Mức : 150% giờ làm việc +Các Lái xe đang hưởng lương mức 2	70	Giờ/tháng	57.692	4.038.440

DỮ LIỆU HÀNG HOÁ DỊCH VỤ YÊU CẦU			Số lượng	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
TT	Tên HHDV	Mô tả				
10	Phụ cấp ngoài giờ ngày thường 3	+Chi theo thực tế + Mức : 150% giờ làm việc +Các Lái xe đang hưởng lương mức 3	70	Giờ/tháng	61.298	4.290.860
11	Ngoài giờ ngày nghỉ hàng tuần 2	+Chi theo thực tế + Mức : 200% giờ làm việc +Các Lái xe đang hưởng lương mức 2	70	Giờ/tháng	76.923	5.384.610
12	Ngoài giờ ngày nghỉ hàng tuần 3	+Chi theo thực tế + Mức : 200% giờ làm việc +Các Lái xe đang hưởng lương mức 3	70	Giờ/tháng	81.731	5.721.170
13	Ngoài giờ ngày nghỉ lễ, tết,... 2	+Chi theo thực tế + Mức : 300% giờ làm việc +Các Lái xe đang hưởng lương mức 2	30	Giờ/tháng	115.385	3.461.550
14	Ngoài giờ ngày nghỉ lễ, tết,... 3	+Chi theo thực tế + Mức : 300% giờ làm việc +Các Lái xe đang hưởng lương mức 3	30	Giờ/tháng	122.596	3.677.880
15	Công tác phí	+Chi theo thực tế + Mức : 200.000 đồng/ chuyến ngoại tỉnh +Tối đa 1 chuyến/ ngày	30	Chuyến/ tháng	200.000	6.000.000
16	Phòng nghỉ qua đêm	+Chi theo thực tế + Mức : 500.000 đồng/ đêm có hóa đơn, không có hóa đơn tính 70% +Thời gian để áp dụng là sau 22h ngày đi công tác ngoại tỉnh	10	Đêm/tháng	500.000	5.000.000
17	Chi phí quản lý	+Chi phí quản lý nhân sự +Chi phí được tính theo tỉ lệ 5 % giá trị thuê nhân sự hàng tháng	01	Tháng	16.672.560	16.672.560
<b>Cộng/tháng</b>			<b>350.123.766</b>			